TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Dương Thắng

Ông Sơn Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/10/2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 285/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Võ Thanh T**. Địa chỉ: phường S, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Huỳnh Trung H**. Địa chỉ: ấp T, xã M, thành phố Cần Thơ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2025, nguyên đơn bà Võ Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thanh T và ông Huỳnh Trung H quen biết nhau, có tình cảm và tự nguyện sống chung với nhau từ cuối năm 2007, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 11 năm 2008. Đến ngày 25/02/2009 thì mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (cũ) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27/09, quyển số 01/2008. Sau khi kết hôn, bà T và ông H có thời gian sống chung với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 hai

bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà T và ông H hiện tại đã không còn chung sống với nhau nữa. Nhận thấy đời sống hôn nhân của bà T và ông H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông H.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà T và ông H có 01 người con chung tên Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008, hiện nay đang sống chung với bà T.

Về tài sản chung: Quá trình sống chung, bà T và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Không có

Nay bà Võ Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Võ Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trung H.

- Về con chung: Bà Võ Thanh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Huỳnh Trung H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung H: Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Huỳnh Trung H, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Huỳnh Trung H vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Võ Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Huỳnh Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, thực hiện chưa đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thanh T đối với bị đơn ông Huỳnh Trung H, giải quyết cho bà Võ Thanh T và ông Huỳnh Trung H ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008 cho bà Võ Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huỳnh Hữu T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà Võ Thanh T không yêu cầu bị đơn ông Huỳnh Trung H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trung H; Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Huỳnh Trung H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Huỳnh Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh T và ông Huỳnh Trung H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/02/2009 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thanh T và ông Huỳnh Trung H là hợp pháp. Bà Võ Thanh T trình bày trong quá trình chung sống, giữa bà và ông Huỳnh Trung H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay hai bên đã không còn chung sống với nhau. Cho nên bà Võ Thanh T đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trung H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt

hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Huỳnh Trung H, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bị đơn ông Huỳnh Trung H không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh T, cũng không đến tham dự phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập của Toà án. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy, việc bà Võ Thanh T yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Trung H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh T và giải quyết cho bà Võ Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Trung H.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì bà Võ Thanh T và ông Huỳnh Trung H có 01 con chung là cháu Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008. Bà Võ Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu T1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy, hiện nay cháu Huỳnh Hữu T1 đang sống chung với bà Võ Thanh T, được bà Võ Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, cháu Huỳnh Hữu T1 cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Võ Thanh T, đồng thời phía ông Huỳnh Trung H cũng không có ý kiến phản đối về việc bà Võ Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hữu T1. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu Huỳnh Hữu T1, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Huỳnh Hữu T1 cho bà Võ Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huỳnh Hữu T1 đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Võ Thanh T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh T được ly hôn với ông Huỳnh Trung H.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hữu T1, sinh ngày 24/08/2008 cho bà Võ Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Huỳnh Hữu T1 đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Võ Thanh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Huỳnh Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Võ Thanh T tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Võ Thanh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0007695 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Như vậy, bà Võ Thanh T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn ông Huỳnh Trung H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cần Thơ;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam